2.2 Tuổi kết hôn trung bình lần đầu

Đối với toàn quốc, tuổi kết hôn trung bình lần đầu trong những năm qua khá ổn định, khoảng 26,6 - 26,8 đối với nam và 23,1 - 23,5 đối với nữ. Sự chênh lệch về SMAM giữa nam và nữ vào khoảng 3,3 - 3,4 năm.

2.2 Singulate mean age at marriage

In the whole country, the singulage mean age at marriage, during recent years has been quite stable, fluctuating between 26.6 - 26.8 for males and 23.1 - 23.5 for females. The male-female differential in SMAM fluctuates from 3.3 to 3.4 years.

BIỂU (TABLE) 2.3:

TUỔI KẾT HÔN TRUNG BÌNH LẦN ĐẦU, TỶ TRỌNG ĐÃ TỪNG KẾT HÔN CỦA CÁC NHÓM TUỔI 15-19, 20-24, 45-49 THEO GIỚI TÍNH VÀ CHÊNH LỆCH SMAM, VIỆT NAM 1999-2008

SINGULATE MEAN AGE AT MARRIAGE, PROPORTION OF EVER MARRIED POPULATION IN AGE GROUPS 15-19, 20-24, 45-49 BY SEX AND DIFFERENTIALS IN SMAM, VIETNAM 1999-2008

Năm Điều tra Census or Survey year	Nam - Male				Nữ - Female				Chênh lệch SMAM (Nam-nữ) Differentials in SMAM (male-female)
	SMAM (năm) SMAM (years)	Phần trăm đã từng kết hôn Percent of ever married			SMAM (năm) SMAM (years)	Phần trăm đã từng kết hôn Percent of ever married			
		15-19	20-24	45-49		15-19	20-24	45-49	
1999	25,4	2,5	30,4	98,5	22,8	9,3	54,3	94,2	2,6
2000	25,7	1,8	28,0	98,5	22,9	7,2	51,9	93,4	2,8
2001	25,7	1,9	28,5	98,6	22,8	8,0	52,6	93,4	2,9
2002	26,0	1,6	24,9	98,2	22,8	7,0	48,3	91,7	3,1
2003	26,2	1,6	23,4	98,5	23,1	6,6	46,2	93,1	3,1
2004	26,7	1,4	20,1	98,0	23,4	6,4	42,7	93,4	3,3
2005	26,8	1,5	19,4	98,2	23,5	6,2	42,1	93,4	3,3
2006	26,6	1,6	21,1	98,0	23,2	6,1	45,4	93,7	3,4
2007	26,6	1,7	21,4	98,0	23,3	6,0	44,9	93,7	3,3
2008	26,6	1,5	22,0	97,9	23,1	6,2	47,2	93,8	3,4

Nguồn số liệu:
1999-2006: Điều tra BĐDS và KHHGĐ 1/4/2006. Những kết quả chủ yếu, Biểu 2.6, trang 27
2007, 2008: Số liệu điều tra mẫu hàng năm 2007, 2008
Source:
1999-2006: The 1/4/2006 Population Change and Family Planning Survey. Major Findings, Table 2.6. page 27
2007. 2008: Sample results

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor